

Huy, Dỹ
- CHT
- TICH

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 4082/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 02,

SỞ XÂY DỰNG TỈNH SÓC TRĂNG thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500

ĐẾN Số..... 4835
Ngày 28/12/2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Chuyển:.....

Lưu Hồ Sơ Số: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 02, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 02, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch:

Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 02, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch:

- Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới Phường 4 - Khu 02, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/500 thuộc địa giới hành

chính của phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; có phạm vi ranh giới được mô tả cụ thể như sau:

- + Phía Đông Bắc: giáp khu Công an tỉnh và đất người dân đang sử dụng;
 - + Phía Đông Nam: giáp nương hiện hữu;
 - + Phía Tây Nam: giáp đất nông nghiệp;
 - + Phía Tây Bắc: giáp đường Vành đai 2.
- Diện tích khu vực lập quy hoạch 49,08ha.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Là khu đô thị mới nằm trên địa bàn phường 4, thành phố Sóc Trăng. Được định hướng quy hoạch đáp ứng tiêu chí từ đô thị loại II trở lên; đây là khu vực sẽ thực hiện lựa chọn chủ đầu tư để đầu tư dự án khu đô thị mới đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và nhà ở. Các chức năng chính của khu đô thị mới bao gồm tổ hợp các công trình công cộng, thương mại dịch vụ hỗn hợp, văn hóa, giáo dục, y tế, công viên cây xanh, thể dục thể thao và các công trình nhà ở.

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

a) *Dự báo về quy mô dân số:* Dự báo quy mô dân số dự kiến của khu vực nghiên cứu quy hoạch là khoảng 8.346 người.

b) *Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai:*

- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị: $45 \div 60 \text{ m}^2$ đất/người;
- Đất đơn vị ở bình quân: $15 \div 28 \text{ m}^2$ đất/người;
- Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở: Tối thiểu 2 m^2 /người; trong đó bố trí tối thiểu 01 vườn hoa có quy mô tối thiểu 5.000 m^2 .
- Đất nhà ở xã hội dự kiến: $\geq 20\%$ tổng diện tích đất ở.

c) *Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật:*

- Giao thông: Diện tích đất giao thông $\geq 18\%$ diện tích khu quy hoạch.

- Cấp nước:

- + Nước sinh hoạt : 170 lít/người/ngày đêm
- + Nước phục vụ trường học (TH, THCS) : 20 lít/học sinh/ngày đêm.
- + Nước phục vụ nhà trẻ, trường mầm non : 75 lít/cháu/ngày đêm.
- + Nước công cộng, dịch vụ : 3 lít/m² sàn/ngày đêm.
- + Nước tưới cây : 3 lít/m²/ngày đêm.
- + Nước rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày đêm.

+ Nước rò rỉ: 15% tổng lượng nước.

- Cấp điện:

+ Điện năng sinh hoạt: 1.500 kWh/người.năm;

- + Phụ tải điện sinh hoạt: 500 W/người;
- + Công trình công cộng, dịch vụ : 0,02 ÷ 0,03 kW/m² sàn.
- + Trường học : 0,2 kW/học sinh.
- + Chiếu sáng đường phố : 10 kW/ha.
- + Chiếu sáng công viên, vườn hoa : 5 kW/ha.
- Chỉ tiêu thoát nước thải bằng 100% lưu lượng cấp nước sinh hoạt.
- Vệ sinh môi trường:
- + Thu gom rác thải sinh hoạt : 1,1 kg/người - ngày.
- + Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom : 80 ÷ 100%.

5. Định hướng quy hoạch:

5.1. Phân khu chức năng:

Bao gồm các khu chức năng chính sau:

- Các công trình công cộng cấp đô thị là công viên trung tâm và quảng trường;
- Các công trình dịch vụ công cộng (giáo dục, y tế, thể dục thể thao, ...) cấp đơn vị ở đáp ứng theo quy mô dân số;
- Khu nhà ở tái định cư và nhà ở xã hội;
- Khu cây xanh - mặt nước, thể dục thể thao cấp đơn vị ở;
- Các công trình ở hỗn hợp cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ, khách sạn nghỉ dưỡng....;
- Các nhóm nhà ở dạng liên kế và biệt thự.
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

5.2. Tổ chức quy hoạch các không gian chức năng:

a) Đất công trình trường học, trạm y tế:

Bao gồm trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Mầm non được bố trí lần lượt tại các lô đất ký hiệu TH, THCS và MN, có tổng diện tích 15.128,6m², bố trí tại phía Tây Nam khu quy hoạch, tiếp giáp khu nhà ở xã hội. Trạm y tế có diện tích 710,7 m², bố trí phía Đông Nam khu quy hoạch tiếp giáp với Đường N9 và Đường D8.

- Mật độ xây dựng thuần: ≤ 40%.
- Tầng cao xây dựng tối đa: Trường Mầm non là 3 tầng, trường Tiểu học và Trung học cơ sở là 4 tầng. Trạm y tế tầng cao tối đa là 3 tầng.
- Khoảng lùi xây dựng công trình: Cách chỉ giới đường đỏ ≥ 3m.
- Tỷ lệ đất trồng cây xanh tối thiểu trong lô đất xây dựng công trình giáo dục là 30%.

b) Đất công viên cây xanh - quảng trường:

Bao gồm khu công viên trung tâm; khu quảng trường trung tâm; các vườn hoa nhóm ở và các lối đi bộ kết hợp trồng thảm cỏ có tổng diện tích 117.238,3m². Đối với công viên trung tâm và quảng trường là công trình công cộng tạo điểm nhấn của đô thị có ý nghĩa về văn hóa - chính trị. Do đó, các chỉ tiêu xây dựng và hình thức kiến trúc được xác định phù hợp theo quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển không gian của thành phố.

- Mật độ xây dựng gộp tối đa: $\leq 5\%$;
- Tầng cao xây dựng tối đa: 01 tầng;
- Khoảng lùi xây dựng: tối thiểu 6m.
- Diện tích dành cho sân chơi, không gian hoạt động thể thao, giải trí ngoài trời tối thiểu 25% tổng diện tích khu đất.

c) Đất công trình ở hỗn hợp cao tầng:

Các khu đất công trình ở hỗn hợp cao tầng với tổng diện tích 17.975 m²; được bố trí tại khu vực cửa ngõ hướng ra đường Vành đai 2; gắn kết với khu đô thị lân cận (khu 01 - phường 4) tạo thành quần thể các công trình kiến trúc điểm nhấn, không gian ấn tượng.

- Mật độ xây dựng thuần tối đa áp dụng theo bảng 2.9 Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD. Mật độ xây dựng thuần tối đa được xét riêng đối với phần đế và phần tháp cao của công trình;
- Mật độ cây xanh tối thiểu: 20%;
- Tầng cao xây dựng tối đa: 15 tầng;
- Khoảng lùi xây dựng: Tối thiểu 6m. Riêng khoảng lùi của khối tháp tính theo trục đường Vành đai 2 và Đường N9 phải đảm bảo tối thiểu 10m;
- Hệ số sử dụng đất tối đa là 13 lần.

d) Đất công trình nhà ở xã hội:

Các khu đất công trình nhà ở xã hội với tổng diện tích 41.240,2m². Bố trí tại khu vực phía Tây Nam khu đô thị, tiếp giáp với các công trình giáo dục.

- Mật độ xây dựng thuần tối đa áp dụng theo bảng 2.9 Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD;
- Mật độ cây xanh tối thiểu: 20%;
- Tầng cao xây dựng tối đa: 05 tầng;
- Khoảng lùi xây dựng: Tối thiểu 6m.

e) Đất công trình nhà ở thấp tầng:

Bao gồm các khu đất nhà ở liên kế, đất xây dựng công trình biệt thự, đất xây dựng nhà ở tái định cư, tổng diện tích 146.610,6 m².

- Mật độ xây dựng thuần tối đa áp dụng theo bảng 2.8 Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD;

- Tầng cao xây dựng:

+ Đối với nhà ở liên kế: Tối thiểu 02 tầng, tối đa 05 tầng;

+ Đối với nhà ở biệt thự: Tối thiểu 02 tầng, tối đa 04 tầng;

+ Đối với nhà ở tái định cư: Tối thiểu 02 tầng, tối đa 04 tầng.

Tầng cao của các dãy nhà ở liên kế và nhà ở tái định cư được xây dựng và quản lý thống nhất cùng một loại tầng cao theo từng dãy nhà.

- Khoảng lùi xây dựng:

+ Đối với nhà ở liên kế: Phía mặt trước là 2,0m; phía mặt sau là 2,0m; phía mặt bên (đối với các lô góc) là 2,0m.

+ Đối với nhà ở biệt thự: Phía mặt trước là 3,0m; phía mặt sau là 2,0m; phía mặt bên (đối với các lô góc) là 3,0m.

+ Đối với nhà ở tái định cư: Phía trước chỉ giới xây dựng trùng chỉ giới đường đỏ; phía mặt sau là tối thiểu là 1,0m, nhưng phải đảm bảo mật độ xây dựng theo Quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD.

- Các công trình nhà ở liên kế và biệt thự phải được xây dựng và quản lý xây dựng đồng bộ về thiết kế trên từng dãy phố.

5.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Đồ án quy hoạch hướng đến việc xây dựng mô hình khu đô thị xanh, tiện nghi và đồng bộ. Xây dựng khu đô thị gắn kết với thiên nhiên và các không gian đô thị hiện đại, tạo môi trường sống tốt đẹp.

Khai thác các giá trị cảnh quan xanh, không gian mở, kết hợp với hệ thống giao thông để tạo khung liên kết, kết nối các không gian khu nhà ở và các công trình chức năng. Trên cơ sở đó, tạo các điểm nhìn, hướng nhìn, khai thác được tối đa giá trị cảnh quan của hệ thống không gian mở, của cảnh quan thiên nhiên.

Tạo thành các trục có tính dẫn hướng đến các công trình quan trọng như công trình dịch vụ đô thị, các trung tâm hoạt động đông người. Các trục giao thông chính được xác định là các trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Trong đó, khai thác hệ thống giao thông đối ngoại (đường Vành đai 2) và nghiên cứu kết nối hài hòa về không gian với các dự án lân cận; đáp ứng định hướng phát triển đô thị của thành phố Sóc Trăng.

Khu đô thị được quy hoạch với trọng tâm hạt nhân là khu công viên trung tâm, cùng với quảng trường tạo sự gắn kết các không gian bên trong và bên ngoài; liên kết các khu chức năng của các khu đô thị lân cận. Với hệ thống không gian xanh, không gian công cộng lớn tạo các không gian mở; tạo tầm nhìn, hình ảnh và cải thiện đáng kể vi khí hậu cho khu đô thị.

Hạt nhân của các nhóm nhà ở là các không gian vườn hoa, cây xanh. Các không gian xanh được phân bố rải rác cho từng nhóm nhà ở tạo sự đồng đều về

chất lượng không gian sống và được kết nối với trục giao thông, trực cảnh quan của các khu vực lân cận tạo sự liên kết gắn bó. Giải pháp cũng tạo ra được tính “mở” của không gian này với khu vực xung quanh. Tạo được chuỗi không gian xanh xuyên suốt khu đô thị.

Phát triển hình thức kiến trúc công trình kiến trúc có phong cách hiện đại mới, được tổ hợp khối đơn giản và có màu sắc sáng, hài hòa với thiên nhiên, có sự liên mạch theo các thủ pháp tạo tuyến, điểm, diện, công trình điểm nhấn.

Các tuyến, trục và không gian chủ đạo:

- Khu vực các công trình tiếp giáp đường Vành đai 2 và tuyến cảnh quan dọc theo không gian quảng trường trung tâm.

- Khu vực công viên cây xanh, quảng trường kết hợp với các trục giao thông chủ đạo trong khu đô thị là tuyến đường D5 và N9 hình thành các trục ngang và dọc chính của đô thị. Không gian mở gồm quảng trường và các khu vực công viên là điểm nhấn về không gian và là không gian chủ đạo của khu đô thị; tạo bản sắc riêng cho khu đô thị mới.

Công trình điểm nhấn, tầm nhìn và hướng nhìn:

- Các công trình ở hỗn hợp cao tầng là điểm nhấn chủ đạo về khoảng không gian chiều cao.

- Các mảng xanh và không gian mở tạo tầm nhìn cho khu đô thị với các hướng mở phân bố theo các trục đô thị chủ đạo.

- Các công trình xây dựng còn lại trong khu đô thị được quy hoạch với chiều cao trung bình từ 03 đến 05 tầng; đan xem trong các khu vực cây xanh và không gian mở; tạo sự thông thoáng; đồng thời nhấn mạnh lối xanh. Hình thành hình ảnh đặc trưng; điểm nhấn kiến trúc cảnh quan; tạo sự gần gũi, thân thiện; hài hòa về chức năng, quy mô và không gian sử dụng.

5.4. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở		205.825,8	41,94
1.1	Đất ở - nhà ở liền kề	LK	121.904,3	
1.2	Đất ở - nhà ở biệt thự	BT	17.790,4	
1.3	Đất ở - Nhà ở xã hội	NOXH	41.240,2	
1.4	Đất ở - tái định cư	TĐC	6.915,9	
1.5	Đất ở - hỗn hợp cao tầng	HH	17.975,0	
2	Đất giáo dục		15.128,6	3,08
2.1	Trường Mầm non	MN	5.003,1	
2.2	Trường Tiểu học	TH	5.494,9	
2.3	Trường Trung học cơ sở	THCS	4.630,6	
3	Trạm y tế	YT	710,7	0,14

4	Đất Cây xanh - Quảng trường		117.238,3	23,89
4.1	Công viên trung tâm	CVTT	53.927,0	
4.2	Quảng trường	QT	28.861,3	
4.3	Vườn hoa	CX	27.412,8	
4.4	Thảm cỏ lối đi bộ	-	7.037,2	
5	Đất hạ tầng - giao thông		151.908,1	30,95
5.1	Đất đường giao thông		149.583,1	
5.2	Đất trạm trung chuyển rác	HTKT	500,0	
5.3	Đất trạm xử lý nước thải sinh hoạt	HTKT	650,0	
5.4	Đất cây xanh cách ly		1175,0	
	Tổng cộng		490.811,5	100,00

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Thiết kế san nền này là thiết kế san nền sơ bộ tạo mặt bằng vào thi công công trình, đối với các hạng mục công trình cụ thể có giải pháp san nền hoàn thiện cho phù hợp với tính chất đặc thù của loại hình công trình, tổng mặt bằng kiến trúc sân vườn và thoát nước chi tiết của công trình.

- Căn cứ cao độ hiện trạng nền khu vực, cao độ nền dự án đường Vành đai 2, khu đô thị 5A và các dự án xung quanh khác cũng như chế độ thủy văn khu vực. Dự kiến cao độ không chế tim đường thấp nhất là 2,05m tại đường Vành đai 2. Cao độ không chế tim đường trong khu vực trung bình là 2,15m.

- Các ô san nền trong dự án được phân chia bởi các đường giao thông trong khu vực. San nền dốc từ trong ra ngoài ô đất với độ dốc 0,4%.

b) Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước chính: Hướng thoát nước chính của khu vực quy hoạch là hướng Đông Nam - Tây Bắc về phía đường Vành đai 2.

- Giải pháp thoát nước: Chia khu vực quy hoạch thành 03 lưu vực chính. Nước mưa tại các lưu vực được thu gom qua hệ thống cống D400, D800 và D1250 mm dọc đường giao thông quy hoạch, sau đó thoát về đường Vành đai 2 nằm phía Tây Bắc khu quy hoạch. Các lưu vực thoát nước bao gồm:

+ Lưu vực 1: Là lưu vực được giới hạn bởi đường Vành đai 2, ranh phía Đông Bắc khu quy hoạch, Đường D8 và Đường N4.

+ Lưu vực 2: Là lưu vực được giới hạn bởi đường Vành đai 2, Đường N4, Đường D8, Đường N7 và Đường N6.

+ Lưu vực 3: Là lưu vực được giới hạn bởi đường Vành đai 2, Đường N6, Đường N7, Đường D8 và ranh phía Tây Nam khu quy hoạch.

6.2. Giao thông:

- Đường đối ngoại: Đường Vành đai 2, tiếp giáp phía Tây Bắc khu vực lập quy hoạch, là tuyến đối ngoại chính của khu vực, lộ giới quy hoạch 40m.

- Đường cấp khu vực: Mạng lưới đường cấp khu vực được tổ chức theo đúng định hướng của Quy hoạch Khu hành chính đô thị thành phố Sóc Trăng, bao gồm 03 loại mặt cắt sau:

+ Đường N9, theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, lộ giới quy hoạch 33m;

+ Đường D5, theo hướng Đông Bắc - Tây Nam, lộ giới quy hoạch 28m;

+ Đường D8 theo hướng Đông Bắc - Tây Nam; Đường N1, Đường N2 theo hướng Tây Bắc - Đông Nam lộ giới quy hoạch 15m.

- Các tuyến đường đối nội: Các tuyến đường nội bộ khu vực lập quy hoạch là các trục giao thông kết nối đến từng khu chức năng, các nhóm ở trong khu quy hoạch; mạng lưới đường cấp nội bộ được bố trí dựa trên khung giao thông đối ngoại và các trục đường cấp khu vực kết hợp với bố cục toàn khu quy hoạch. Mặt cắt ngang của các tuyến đường được đề xuất phù hợp với ý đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan của từng khu chức năng có lộ giới quy hoạch từ 13m đến 25m.

6.3. Cấp nước:

- Nguồn cấp: Nguồn cấp nước từ nhà máy nước của thành phố, thông qua hệ thống ống cấp dọc theo đường Vành đai 2 phía Tây Bắc khu quy hoạch.

- Dự báo lưu lượng nước cấp: Tổng nhu cầu cấp nước cho khu quy hoạch được dự báo là 3.029m³/ngày đêm.

- Hệ thống ống cấp:

+ Mạng lưới đường ống phân phối và dịch vụ được thiết kế theo nguyên tắc là mạng vòng. Các công trình được cấp nước trực tiếp từ mạng dịch vụ.

+ Các tuyến ống chính có kích thước từ $\Phi 200$ - $\Phi 220$, các tuyến ống phân phối có kích thước từ $\Phi 160$ - $\Phi 168$ được xây dựng dọc theo một số tuyến đường trong khu quy hoạch kết nối với tuyến ống truyền dẫn dọc tuyến đường Vành đai 2 tạo thành mạch vòng khép kín đảm bảo cung cấp nước an toàn và ổn định cho khu vực quy hoạch.

+ Các tuyến ống dịch vụ có đường kính $\Phi 90$ được xây dựng dọc theo các tuyến đường vào nhà, lấy nước từ các tuyến ống phân phối để cấp nước cho các công trình thấp tầng theo áp lực của hệ thống cấp nước chung.

6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước thải:

- Dự báo lưu lượng nước thải: Tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch là 1.602,1m³/ngày.

- Giải pháp thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của khu vực nghiên cứu quy hoạch

được lựa chọn là hệ thống cống riêng giữa nước mưa và nước thải.

+ Nước thải được thu gom qua hệ thống cống thu gom D300 - D800 đặt trên hè dọc đường quy hoạch sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 1.600m³/ngày để xử lý. Nước thải sau khi được xử lý đảm bảo các điều kiện vệ sinh môi trường và được xả ra nguồn tiếp nhận.

b) Chất thải rắn:

- Dự báo khối lượng chất thải phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 10,47 tấn/ngày.

- Giải pháp thu gom: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn nhằm giảm khối lượng thu gom vận chuyển, sau đó được đưa về trạm trung chuyển (nằm phía Nam khu quy hoạch) và được vận chuyển đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn - cấp 1 của thành phố Sóc Trăng và vùng phụ cận.

6.5. Cấp điện:

- Dự báo tính toán phụ tải điện: Nhu cầu phụ tải điện của khu quy hoạch là 6.013,7kW.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch được đấu nối từ đường dây trung thế trên tuyến đường Vành đai 2 nằm phía Tây Bắc khu quy hoạch.

7. Những hạng mục đầu tư và nguồn lực để thực hiện:

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch. Nguồn vốn kêu gọi đầu tư và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Xây dựng các hạng mục công trình dịch vụ công cộng (trường học, trạm y tế). Nguồn vốn kêu gọi đầu tư và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Xây dựng quảng trường, hệ thống các công viên kết hợp sân chơi, vườn hoa, sân luyện tập thể dục thể thao. Nguồn vốn kêu gọi đầu tư và các nguồn vốn kết hợp khác.

- Xây dựng các công trình nhà ở theo các loại hình như: Công trình ở hỗn hợp cao tầng, nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự. Nguồn vốn kêu gọi đầu tư và các nguồn vốn kết hợp khác.

Điều 2.

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp đơn vị tư vấn hoàn chỉnh nội dung đồ án; đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ quy hoạch cho địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan lưu trữ, quản lý, tổ chức thực hiện theo quy định. Đồng thời, chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan chuẩn bị các thủ tục cần thiết để lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng phối hợp Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch này theo quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / 406

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng TH, KT;
- Lưu: VT. 7/10

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Lâm Hoàng Nghiệp